

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thụy Lệ Huyền và ông Trịnh Khắc Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/9/2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2020/TLST- DS ngày 27/4/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B (Tên gọi khác: Nguyễn Thị H); địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện N, tỉnh K (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị B; địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh K (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) cũng như tại phiên tòa bà B trình bày như sau:

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2015 bà có cho bà Đoàn Thị B vay số tiền là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) với thời hạn là khi nào lấy tiền phải hỏi trước một tháng. Nhưng đến tháng 8 năm 2017 tôi hỏi để bà Đoàn Thị B trả tiền cho tôi. Tuy nhiên, khi bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Đoàn Thị B trả tiền nhưng bà Đoàn Thị B không chịu trả. Do vậy, bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị B phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 20/4/2020 là 32 tháng x 1%/tháng (một phần

trăm) = 64.000.000 đ (Sáu mươi bốn triệu đồng). Tổng cả tiền gốc và tiền lãi là 264.000.000 đ (hai trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

- *Bị đơn bà Đoàn Thị B trình bày:* Vào ngày 28/10/2015 tôi có vay của bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Nguyễn Thị H) với số tiền là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Bà Đoàn Thị B nói khi bà Nguyễn Thị B lấy tiền phải hỏi trước một tháng, nhưng sau đó bà Đoàn Thị B đã trả dần cho bà Nguyễn Thị B (H) nhưng cô H không lấy. Tôi đã trả tiền lãi cho cô H 230.000.000 đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Hiện tại bà Đoàn Thị B công nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị B số tiền là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Bà Đoàn Thị B đồng ý trả dần số tiền này cho bà Nguyễn Thị B làm nhiều lần và xin không trả khoản tiền lãi.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Đoàn Thị B phải trả cho chị số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất là 0,8%/tháng trên số tiền gốc ($200.000.000đ \times 0,8\% \times 36 \text{ tháng} = 57.600.000đ$ (Năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng), tính từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 8 năm 2020

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tiến hành tố tụng đúng với qui định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196 và 220 và các qui định khác của Bộ luật tố tụng dân sự. tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng qui định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đoàn thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) số tiền gốc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ tháng 8/2017 đến tháng 8/2020 là $36 \text{ tháng} \times 0,8\%/\text{tháng} = 57.600.000 \text{ đ}$. Tổng cả tiền gốc và tiền lãi là 257.600.000 đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng)

+ Về án phí: căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị buộc bị đơn phải chi toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Nguyễn thị B (Nguyễn Thị H) số tiền đã nộp tạm ứng án phí là: 6.600.000 đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tiến hành xác minh tại Công an thị trấn PLeì Kần thì Bà Nguyễn Thị B còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị H trú tại tổ dân phố 4 thị trấn P huyện N tỉnh Kon Tum; vì vậy nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị H.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị B phải trả số tiền đã vay và tiền lãi do chậm trả. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án. Bị đơn cư trú tại tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện, theo qui định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) yêu cầu bà Đoàn Thị B phải trả số tiền đã vay là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng), để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 01 “Giấy vay tiền” nội dung thể hiện vào ngày 28/10/2015 bà Đoàn Thị B có vay của bà Nguyễn Thị B số tiền là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Trong giấy vay tiền thể hiện khi lấy tiền phải hỏi trước một tháng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, nhưng về phía bị đơn đã không thực hiện đúng như cam kết trong giấy vay tiền.

+ Về phía bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn công nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) số tiền nợ gốc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi như bà Nguyễn Thị B trình bày là đúng. Số tiền này bà vay của bà Nguyễn Thị B nhưng chồng bà không biết, trong bản tự khai đề ngày 07/5/2020 bà Đoàn Thị B khai đã trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị B mỗi tháng là 8.000.000 đ (Tám triệu đồng) tổng tiền lãi đã trả cho bà Nguyễn Thị B từ năm 2015 đến tháng giêng năm 2017 là 230.000.000 đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Nhưng bà Đoàn Thị B không xuất trình được chứng cứ cho Tòa án và đặc biệt nguyên đơn cũng không chấp nhận lời trình bày của bị đơn. Lời khai của bị đơn đã trả tiền lãi là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 7 năm 2020 Bà Đoàn Thị B đồng ý trả số tiền gốc là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị B nhưng trả làm nhiều lần. Còn số tiền lãi thì bà xin không trả do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

+ Về phía ông Nguyễn Duy T là chồng của bà Đoàn Thị B: Tòa án đã triệu tập nhưng ông T từ chối không nhận giấy triệu tập của Tòa án, ông cho rằng ông hoàn toàn không biết số tiền này. Nên Tòa không đề cập đến.

+ Về nghĩa vụ trả nợ: Trong giấy mượn tiền đề ngày 28/10/2015 bà Đoàn Thị B đã công nhận còn nợ của bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) số tiền là

200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án bà Đoàn Thị B khai đã trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị B là 230.000.000 đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) mà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh về việc đã trả tiền lãi. Bà Nguyễn Thị B khẳng định đến nay bà Đoàn Thị B chưa trả nợ cho bà.

Với những nhận định, phân tích ở trên. Có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 28/10/2015 bà Đoàn Thị B có vay của bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) số tiền là 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) với thời hạn là khi lấy phải hỏi trước một tháng. Tuy nhiên, đến nay bà Đoàn Thị B vẫn chưa trả tiền cho bà Nguyễn Thị B. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

+ Về tiền lãi chậm trả: Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị B phải trả tiền lãi là từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 8/2020. Là 36 tháng mức lãi suất 0,8%/tháng

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% số tiền tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 688 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H). Buộc bà Đoàn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng).

+ Tiền lãi do chậm trả: $200.000.000 \text{ đ} \times 0,8\% \times 36 \text{ tháng} = 57.600.000 \text{ đ}$

Tổng cả tiền gốc và tiền lãi là: 257.600.000 đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng)

+ Về án phí: Buộc bà Đoàn Thị B phải chịu 12.880.000 đ (Mười hai triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm).

+ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé (Nguyễn Thị Hồng) số tiền 6.600.000 đ (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/20016/0002370 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị H) có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Đoàn Thị B không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/ năm

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/9/2020) nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- CCTHADS huyện Ngọc Hồi
- TANDCC tại Đà Nẵng
- Những người tham gia tố tụng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hành